



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH

THƯ MỜI HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN V - NĂM 2021

Kính gửi: Quý cổ đông

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh - TRAVINHPCO trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội Đồng Cổ đông thường niên lần V - Năm 2021 như sau:

- Thời gian : 13 giờ 00 phút, ngày 24 tháng 6 năm 2021 (Thứ năm)
- Địa điểm : Trung tâm hội nghị tỉnh Trà Vinh - Đường Võ Nguyên Giáp - TP. Trà Vinh (do tình hình dịch bệnh COVID 19 đang diễn biến phức tạp, giãn cách xã hội, hạn chế tụ tập đông người nên hình thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 có thể thay đổi bằng tổ chức trực tuyến, hình thức, địa điểm cụ thể Công ty sẽ thông báo sau).
- Chương trình Đại hội : Theo chương trình đính kèm
- Thành phần tham dự : Tất cả các Cổ đông sở hữu cổ phần của TRAVINHPCO (mã chứng khoán TVU) theo danh sách chốt tại ngày đăng ký cuối cùng 25/05/2021 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Đăng ký tham dự Đại hội và ủy quyền:

- Trường hợp không thể đến tham dự, Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự (theo mẫu).
- Để thuận tiện công tác tổ chức, Quý Cổ đông vui lòng xác nhận tham dự Đại hội qua điện thoại hoặc email về Văn phòng Công ty trước **11 giờ ngày 23/06/2021**.
- Thông tin Đại hội, vui lòng liên hệ: Bà Nguyễn Thị Hà Duyên - Thư ký Hội đồng quản trị
- Điện thoại: (0294) 3853596 - Di động: 0918 622556 - Email: duyenctdttv@gmail.com

Khi tham dự ĐHĐCĐ đề nghị Quý Cổ đông:

- Mang theo thư mời họp Đại hội, Ủy quyền tham dự họp (nếu có), CMND hoặc hộ chiếu.
- Trang phục lịch sự và tham dự đúng giờ.

Tài liệu Đại hội:

- Các tài liệu khác liên quan đến Đại hội được cập nhật trên website của Công ty congtrinhdothitravinh.vn kể từ ngày 03/6/2021. Kính mong Quý đại biểu tự tải và in tài liệu dự đại hội gồm: Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo của Ban kiểm soát, Quy chế tổ chức đại hội, các tờ trình, ... tại mục: Quan hệ cổ đông của Công ty./.

Các tài liệu gửi kèm:

1. Chương trình Đại hội
2. Ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ

TP. Trà Vinh, ngày 03 tháng 6 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Tiết Khoa

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH NĂM 2021

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP Công trình đô thị Trà Vinh sau đây gọi tắt là “Công ty”.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định cụ thể điều kiện tổ chức đại hội, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia đại hội và thể thức tiến hành đại hội.

Điều 3: Tính hiệu lực

Cổ đông và các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này

II. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 4: Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh do Trung tâm Lưu ký chứng khoán chốt ngày 25/05/2021.

III. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 5. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được người đại diện của tổ chức sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty ủy quyền tham dự họp (theo danh sách cổ đông của Công ty do Trung tâm Lưu ký chứng khoán chốt ngày 25/05/2021).

Điều 6. Quy định về Ủy quyền

6.1. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

6.2. Các trường hợp Giấy uỷ quyền được lập thành văn bản không theo mẫu của công ty sẽ do Chủ tọa đại hội toàn quyền quyết định tính hợp lệ của Giấy uỷ quyền đó.

6.3. Một người có thể làm đại diện theo uỷ quyền cho một hoặc nhiều cổ đông.

6.4. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự đại hội

7.1. Quyền của các cổ đông tham dự đại hội

Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự họp đại hội bằng văn bản uỷ quyền theo mẫu của Công ty;

Khi tham dự cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên, mỗi cổ đông/ đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đều nhận được phiếu biểu quyết có ghi số cổ phần tương ứng với số phiếu bầu của mình đối với các vấn đề thảo luận tại cuộc họp;

Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

· Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;

· Được phát các tài liệu nội dung, chương trình Đại hội kèm theo;

Cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội đó để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

7.2. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội

Tuân thủ đúng theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quy chế này;

Khi cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến tham dự đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham gia Đại hội với Ban tổ chức Đại hội và xuất trình các giấy tờ sau:

- + Thư mời tham dự đại hội (nếu có).
- + Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu.

+ Giấy ủy quyền họp lệ (trường hợp được ủy quyền tham dự đại hội).

Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội;

Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức và tôn trọng sự điều khiển Đại hội của Chủ tọa Đại hội;

Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội.

Tự túc về các chi phí để tham dự đại hội.

Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội và Ban thư ký

8.1. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội

Cuộc họp ĐHCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa tiến hành điều khiển Đại hội;

Quyết định của chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự;

Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến đại hội;

Chủ tọa chỉ định Ban thư ký Đại hội;

Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội cổ đông cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

+ Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp.

+ Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

8.2. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký Đại hội

Ban thư ký có chức năng lập Biên bản đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa.

Điều 9: Ban kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu bao gồm 01 trưởng ban và các thành viên do Chủ tọa đại hội đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức ghi phiếu biểu

quyết trực tiếp tại đại hội. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và tổ chức kiểm phiếu.

Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố trước Đại hội; giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội.

Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải làm trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

IV. TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10: Nội dung tiến hành Đại hội

Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung sau:

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và chương trình công tác năm 2021

- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và chương trình công tác năm 2021

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

- Báo cáo tài chính - độc lập đã kiểm toán năm 2020

- Báo cáo tài chính - hợp nhất đã kiểm toán năm 2020

- Các tờ trình của HĐQT về việc thông qua các nội dung: phương án phân phối lợi nhuận năm 2020; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, phương án chi trả tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, điều chỉnh điều lệ Công ty theo đúng quy định pháp luật

- Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025

- Bầu thành viên Ban kiểm soát và Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025

Điều 11: Thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

Tùy trường hợp, việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội sẽ được thực hiện theo các hình thức dưới đây:

11.1. Biểu quyết theo hình thức ghi vào phiếu biểu quyết (bỏ phiếu kín)

a. Việc biểu quyết các nội dung họp và bầu thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025; bầu thành viên Ban kiểm soát và Trưởng

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025 sẽ được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín.

Các nội dung biểu quyết được ghi trong Thẻ biểu quyết sẽ được cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án tán thành, không tán thành và không có ý kiến vào từng nội dung cần biểu quyết.

b. Các cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau:

Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến.

Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong.

c. Các phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm:

Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra và không có dấu của Công ty;

Phiếu bị rách, gạc, tẩy xóa, sửa chữa;

Phiếu có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ. Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Thẻ biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.

d. Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Thẻ biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu xin đổi lại Thẻ biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

11.2. Biểu quyết trực tiếp bằng thẻ biểu quyết (giơ Thẻ biểu quyết màu vàng)

Việc biểu quyết trực tiếp được áp dụng đối với các trường hợp không áp dụng hình thức biểu quyết quy định tại Điều 11.1 trên đây.

Trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết về vấn đề cần biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa. Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

Điều 12: Quy định việc kiểm phiếu đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu

12.1. Tổ chức kiểm phiếu

Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại phòng kín ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Ban kiểm phiếu không gạch xoá, sửa chữa trên phiếu biểu quyết.

12.2. Công bố kết quả kiểm phiếu

Sau khi quá trình kiểm phiếu biểu quyết hoàn thành, Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu.

Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu đọc biên bản kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

Điều 13: Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải giao Phiếu biểu quyết và được sự chấp thuận của Chủ tọa đại hội. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp có thể đăng ký nội dung phát biểu tại Đại hội với Đoàn Chủ tịch qua thư ký Đại hội bằng phiếu đặt câu hỏi. Khi Chủ tọa chỉ định ai thì người đó phát biểu.

Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản cuộc họp.

Điều 14: Thông qua quyết định tại Đại hội

Các vấn đề của Đại hội được thông qua khi có sự chấp thuận của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội với tỷ lệ theo quy định trong Điều lệ của Công ty và quy định của Luật Doanh Nghiệp;

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp thực hiện biểu quyết để tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với những vấn đề phải thông qua trong Đại hội theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

Trong nội dung phiếu biểu quyết không đánh dấu vào nội dung nào coi như không tán thành với nội dung đó.

V. KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 15: Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội cổ đông được Thư ký Đại hội ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào sổ biên bản của Công ty.

Điều 16: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.

Các cổ đông, thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định

của ĐHĐCĐ nếu thấy một phần hoặc toàn bộ quyết định của ĐHĐCĐ không phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

VI. ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 17: Trường hợp tổ chức cuộc họp Đại hội cổ đông không thành

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 4 Quy chế này, thì được triệu tập lần thứ 2 trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì được triệu tập lần họp thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự kiến khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

Điều 18: Một số quy định khác

Sau cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị cam kết thực hiện tốt phương án sản xuất kinh doanh cùng các vấn đề được thông qua tại Đại hội và tuyên bố bế mạc Đại hội.

VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19: Hiệu lực thi hành

Quy chế này bao gồm 7 phần, 19 điều, có hiệu lực ngay khi được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 24/06/2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Tiết Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH
(TRAVINHPCO)

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN V - NĂM 2021

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG
1	13 ^h 00 – 13 ^h 30	Tiếp đón Cổ đông, phát tài liệu.
		Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông tham dự.
2	13 ^h 30 - 13 ^h 45	Tuyên bố lý do, giới thiệu Chủ tịch đoàn.
		Chủ tọa giới thiệu Ban thư ký; Ban kiểm phiếu và thẩm tra tư cách cổ đông.
		Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội.
		Thông qua Quy chế làm việc; Biểu quyết thông qua (<i>bằng thẻ màu vàng</i>).
		Thông qua chương trình Đại hội Đồng Cổ đông.
Trình bày các báo cáo		
3	13 ^h 45 – 14 ^h 15	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021
		Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020 và chương trình công tác năm 2021
		Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và chương trình công tác năm 2021
		Báo cáo tóm tắt báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2020.
		Báo cáo tóm tắt báo cáo tài chính – hợp nhất đã kiểm toán năm 2020.
4	14 ^h 15 – 14 ^h 30	Trình bày dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh (thay thế điều lệ cũ đã ban hành)
Thông qua các tờ trình xin ý kiến Đại hội Đồng Cổ đông:		
5	14 ^h 30 – 15 ^h 00	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã kiểm toán.
		Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính – hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán.
		Tờ trình về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.
		Tờ trình về mức cổ tức và phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2020
		Tờ trình về việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2020.
		Tờ trình về tổng mức tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021.
		Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021.
		Tờ trình thông qua Điều lệ Công ty
		Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.
Thảo luận, biểu quyết thông qua các tờ trình và công bố kết quả biểu quyết		
6	15 ^h 00 - 15 ^h 15	Đại hội thảo luận nội dung các tờ trình.
		Biểu quyết thông qua các tờ trình (<i>bằng phiếu biểu quyết</i>).
7	15 ^h 15– 15 ^h 35	Nghỉ giải lao (Ban kiểm phiếu làm việc).
8	15 ^h 35– 15 ^h 40	Công bố kết quả biểu quyết.
9		Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Chủ tịch HĐQT; Bầu thành viên Ban kiểm soát và Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG
	15 ^h 40 - 15 ^h 50	Thông qua Quy chế bầu cử; Biểu quyết thông qua (<i>bằng thẻ màu vàng</i>). Giới thiệu nhân sự tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và Chủ tịch HĐQT
	15 ^h 50 - 16 ^h 40	Giới thiệu nhân sự tham gia ứng cử thành viên thành viên Ban kiểm soát và Trưởng Ban kiểm soát
		Tiến hành Bầu cử
		Nghỉ giải lao (Ban kiểm phiếu làm việc).
		Công bố kết quả bầu cử.
10	16 ^h 40– 17 ^h 00	Thông qua Nghị quyết, Biên bản và Bế mạc Đại hội:
		- Thông qua Nghị quyết và Biên bản ĐHĐCĐ thường niên 2021.
		- Đại hội biểu quyết thông qua (<i>bằng thẻ màu vàng</i>).
		- Bế mạc đại hội./.

BÁO CÁO
Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và
kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020:

Đại dịch Covid-19 đã và đang tác động đến nền kinh tế, gây khó khăn và thách thức cho sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp, hộ gia đình. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị cùng nỗ lực của cả tập thể người lao động trong việc triển khai kế hoạch thực hiện linh hoạt và quyết liệt, Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh (sau đây gọi là Công ty) đã có một năm 2020 hoàn thành kế hoạch đề ra tại Đại hội đồng cổ đông đầu năm. Bên cạnh đó, Cục thuế tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định 811/QĐ-CT ngày 08/9/2020 truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018 và năm 2019, tiền phạt, tiền chậm nộp số tiền 1.187 triệu đồng; Công ty phải chấp hành nộp tiền vào ngân sách đồng thời khiếu nại Quyết định trái pháp luật của Cục thuế Trà Vinh, ngày 25/3/2021 Cục thuế tỉnh Trà Vinh có Quyết định số 235/QĐ-CTTVI hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 811/QĐ-CT ngày 08/9/2020. Đến thời điểm hiện nay Cục Thuế chưa hoàn trả lại số tiền cho Công ty.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, năm 2020 là năm Công ty vẫn đạt kế hoạch đề ra với lợi nhuận hợp nhất sau thuế đạt 6.330 triệu đồng, tăng trưởng 0,13% so với năm trước, hoàn thành 107,3% kế hoạch. Những kết quả trên tiếp tục khẳng định mục tiêu đúng đắn và hiệu quả của Công ty trong điều kiện và môi trường kinh doanh nhiều biến động. Kết quả trong năm 2020 các mặt công tác đạt được như sau:

1.1. Công tác Vệ sinh môi trường:

Hoạt động thu gom rác vào ban đêm với 60 tuyến đường (năm 2019: 53 tuyến đường; năm 2021 là 64 tuyến đường).

Công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày là 26 tuyến đường (năm 2019: 21 tuyến đường; năm 2021: 26 tuyến).

Thu gom rác chợ Trà Vinh, chợ Bạch Đằng, chợ phường 2, chợ phường 9, chợ Sóc Ruộng, chợ Vĩnh Yên (năm 2021 thêm chợ Ba Trường)

Duy trì vệ sinh ngõ xóm (hẻm) năm 2020 là 109 km/ngày (năm 2019: 93 km/ngày; năm 2021 là 121 km/ngày. Về yêu cầu công việc ngoài thu gom rác hộ dân còn phải quét sạch rác trên bề mặt hẻm.

Duy trì dải phân cách 4 tuyến đường: Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Đăng, Nguyễn Thiện Thành và 30/4.

Ngoài ra còn thực hiện công tác vét cát lề đường, tua vĩa hè, thu dọn phế thải xây dựng, tưới nước rửa đường và vớt rác trên sông Long Bình bảo đảm đường phố luôn sạch đẹp

Lượng rác bình quân 88 tấn/ngày (năm 2019: 85 tấn/ngày; năm 2021 là 97 tấn/ngày); năm 2020 thực hiện với tổng doanh thu 36,9 tỷ đồng, đạt 100% so với kế hoạch.

1.2. Công tác quản lý công viên và cây xanh:

Thực hiện chăm sóc, bảo dưỡng, cắt tỉa tạo hình, mé nhánh, tưới, bón phân, trồng dặm, đốn hạ cây sâu bệnh, nhổ cỏ dại, xịt thuốc kích thích sinh trưởng và phòng trừ sâu hại các loại cây xanh, bồn hoa, thảm cỏ gốc cây đường phố; cây xanh, hoa kiểng trong các khuôn viên: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố; duy trì: bồn gốc cây, cây cảnh, cây bóng mát, cây tạo hình, thảm cỏ gốc cây; vận chuyển rác cây xanh; vận chuyển phế thải, rác thảm cỏ gốc cây.

Kết quả thực hiện trong năm với tổng doanh thu 6,9 tỷ đồng, đạt 100% so với kế hoạch.

1.3. Công tác quản lý hệ thống điện chiếu sáng công cộng:

Công ty quản lý, duy trì 143 trạm đèn chiếu sáng, 17 trạm tín hiệu giao thông, sửa chữa kịp thời các hệ thống đèn chiếu sáng nội ô và khu vực Long Trị, góp phần giữ gìn an toàn giao thông, an ninh trật tự khu vực nội ô thành phố. Đồng thời tổ chức người trực, quản lý trạm cầu dao theo khu vực nên dễ phát hiện các sự cố và khắc phục sửa chữa kịp thời.

Thực hiện với tổng doanh thu 1,9 tỷ đồng, đạt 100% so với kế hoạch.

1.4. Công tác Quản trang:

Công ty được giao quản lý 75.000m² và 1 lò hỏa táng, Công ty luôn quan tâm đến chất lượng phục vụ nhân dân, đáp ứng được nhu cầu hỏa táng của người dân. Ngoài ra, người lao động thường xuyên vệ sinh, làm cỏ, trồng cây và hoa các loại trong khuôn viên nghĩa trang, bố trí sắp xếp phần mộ hợp lý và khoa học. Kết quả tổng doanh thu 0,19 tỷ đồng, đạt 100% so với kế hoạch.

1.5. Hoạt động kinh doanh khác:

Trong năm doanh thu hoạt động kinh doanh đạt 8,62 tỷ đồng, trong đó thi công các công trình như:

Chăm sóc cây cảnh trong khuôn viên Đền Thờ Bác, trụ sở Công an tỉnh.

Chặt tỉa cây xanh các tuyến đường trên địa bàn huyện Trà Cú, huyện Càng Long và khu vực Ao Bà Om.

Trồng cây xanh hoa kiềng xã Phương Thạnh, huyện Càng Long; xã Kim Hòa huyện Cầu Ngang

Cải tạo, sửa chữa hệ thống chiếu sáng, trang trí các tuyến đường trên địa bàn thành phố Trà Vinh.

1.6. Các chỉ tiêu tài chính năm 2020:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020		
			Kế hoạch	Thực hiện	% thực hiện so kế hoạch
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	17,500	17,500	100
2	Doanh thu	Tỷ đồng	49,510	52,597	106
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,687	6,794	102
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng		6,997	

2. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Qua một năm 2020 đầy khó khăn, nền kinh tế Việt Nam và tỉnh Trà Vinh bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19. Năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức. Sự phục hồi tăng trưởng kinh tế sẽ phụ thuộc nhiều vào việc ngăn ngừa dịch bệnh thông qua ý thức tự giác của người dân, việc triển khai thành công chương trình tiêm chủng vắc-xin phòng Covid-19. Trong trường hợp áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội trên địa bàn thành phố Trà Vinh sẽ ảnh hưởng lớn đến nguồn thu giá dịch vụ thu gom rác từ các đơn vị sản xuất kinh doanh, hộ mua bán, nhà trọ, v.v.

Để chủ động ứng phó với những thách thức và hạn chế tiêu cực của môi trường kinh doanh cũng như nắm bắt tốt hơn các cơ hội từ sự tăng trưởng tích cực của nền kinh tế, năm 2021, Ban Lãnh Đạo Công ty đề ra các mục tiêu cơ bản sau:

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý, quy trình ISO 14001:2015 về quản lý môi trường, triệt để thực hành tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực tham mưu, điều hành của các phòng chức năng, các đội sản xuất... bảo đảm chuẩn bị tốt tham gia đấu thầu và công tác sản xuất kinh doanh.

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong quản lý, trong công tác thu giá dịch vụ thu gom rác để người dân thuận tiện, dễ dàng trong việc đóng tiền cho Công ty; cộng tác kiểm tra, giám sát và điều hành chặt chẽ hơn.

- Tiếp tục đầu tư, mua sắm phương tiện vận chuyên, thiết bị hiện đại, phù hợp với nhu cầu để thay thế trang thiết bị đã hư hỏng, nếu tiếp tục sử dụng sẽ tốn nhiều chi phí, kéo dài thời gian lao động và gây ô nhiễm môi trường.

- Mở rộng địa bàn và loại hình sản xuất kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho Công ty. Xây dựng chương

trình, kế hoạch quảng bá tiếp thị những dịch vụ hiện có của Công ty và nâng cao chất lượng dịch vụ ngày càng đáp ứng nhu cầu thị trường với giá cả phù hợp bảo đảm cạnh tranh.

- Các chỉ tiêu tài chính:

+ Tổng doanh thu:	57.497 triệu đồng
+ Lợi nhuận:	7.109 triệu đồng

Dựa trên tình hình thực tế, và dịch bệnh còn ẩn chứa nhiều diễn biến phức tạp, các mục tiêu kinh doanh năm 2021 thực sự là thách thức không nhỏ đối với Công ty, nhưng chúng tôi tin tưởng rằng dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, cùng với sự đồng lòng của toàn bộ người lao động, Công ty sẽ vững bước vượt qua những khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch để đạt được những mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Trên đây là báo cáo tình hình kết quả kinh doanh 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021, Ban điều hành báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét cho ý kiến để hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian tới.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu: VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Hoàng Minh

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020
VÀ NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh (Công ty), Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020, hôm nay tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty báo cáo về hoạt động của HĐQT trong năm 2020 và nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2020.

HĐQT đã chỉ đạo thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ theo các quy định của Pháp luật; Điều lệ, Quy chế Công ty. Trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, giãn cách xã hội, hạn chế tụ tập đông người; tạm đình chỉ hoạt động các cơ sở kinh doanh, dịch vụ làm ảnh hưởng lớn đến nguồn thu giá dịch vụ thu gom rác của Công ty. HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để Ban Tổng giám đốc (Ban TGD) triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 cùng các giải pháp quản lý, điều hành tích cực nên hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả, các chỉ tiêu tài chính đạt so với Nghị quyết, tình hình tài chính được kiểm soát tốt, vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và đảm bảo quyền lợi của người lao động, của cổ đông.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Tình hình cổ đông

Tình hình cổ đông tại ngày 25/05/2021 như sau:

Chi tiết	Tỷ lệ	Số cổ đông	Cổ phần sở hữu	Trị giá
Vốn cổ đông Nhà nước	64%	1	1.120.000	11.200.000.000
Các cổ đông khác	36%	94	630.000	6.300.000.000
Cộng	100%	95	1.750.000	17.500.000.000

Tại thời điểm 25/05/2021 (thời điểm chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021) Công ty có 95 Cổ đông sở hữu 1.750.000 CP. Trong đó, có 01 cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Trà Vinh) sở hữu 1.120.000 CP, chiếm 64%, 94 Cổ đông bên ngoài sở hữu 630.000 CP, chiếm 36%.

2. Cơ cấu tổ chức

Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên:

2.1. Ông Phạm Tiết Khoa Chủ tịch HĐQT

- 2.2. Ông Phạm Hoàng Minh Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc
 2.3. Ông Phạm Tấn Lộc Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc
 2.4. Ông Đào Mạnh Hùng Thành viên HĐQT
 2.5. Bà Trâm Thị Thùy Dung Thành viên HĐQT

3. Tình hình hoạt động của HĐQT

HĐQT đã họp định kỳ mỗi quý một lần để xem xét các vấn đề thuộc thẩm quyền và ban hành các Nghị quyết, Quyết định phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

3.1. Các cuộc họp của HĐQT:

Ngày	Nội dung họp
14/02/2020	Thông nhất thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
03/06/2020	Chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Và thông qua các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2020 giao Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh và Công ty TNHH MTV Cây xanh và Môi trường Thành Phát Thông qua việc Ban Tổng giám đốc đầu tư mua sắm 01 xe bồn và 01 xe ben phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó, chi phí mua xe ben là vay 70% từ Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Trà Vinh hoặc các tổ chức tín dụng.
21/07/2020	Thông qua phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Trà Vinh, Giá trị: 3.500.000.000 đồng Mục đích: Xây dựng trụ sở văn phòng làm việc Công ty. Thời hạn: 60 tháng Nguồn thanh toán, trả nợ: theo cam kết của công ty được quy định trong hợp đồng tín dụng. Giao Ông Phạm Hoàng Minh – Chức vụ: Tổng Giám Đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty quyết định, lập, ký kết các Hợp đồng, các giấy tờ liên quan và tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện phương án vay vốn và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Trà Vinh cho đến khi các hợp đồng, văn bản ký kết được chấm dứt và Công ty hoàn thành các nghĩa vụ phát sinh với Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Trà Vinh. Giao Ban Tổng Giám đốc lựa chọn Công ty kiểm toán có tên trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020.
19/10/2020	Thông qua việc bổ sung dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hạng mục: hệ thống mạng internet, điện thoại, camera, wifi, thuộc công trình xây dựng trụ sở văn phòng làm việc Công ty. Giao Ban Tổng Giám đốc chuẩn bị hồ sơ năng lực tham gia các gói thầu thuộc dự án khối lượng dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn Tp Trà Vinh năm 2021.

3.2. Các Quyết định của HĐQT

Quyết định		Nội dung
Số	Ngày	
36	20/10/2020	Phê duyệt bản vẽ thi công, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình xây dựng trụ sở văn phòng làm việc Công ty, hạng mục: hệ thống mạng internet, điện thoại, camera, wifi.

3.3. Các Nghị quyết của HĐQT

Nghị quyết		Nội dung
Số	Ngày	
02	14/02/2020	<p>Thông qua báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị quý IV năm 2019 và nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động quý I năm 2020.</p> <p>Thông qua ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020: vào ngày 22/04/2020.</p> <p>Giao Ban điều hành thực hiện và báo cáo lại HĐQT các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị các nội dung trình Ủy ban nhân dân tỉnh phục vụ công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020. - Chuẩn bị kế hoạch sử dụng lao động, xác định quỹ tiền lương thực hiện năm 2019, quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 báo cáo Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Trà Vinh thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.
27	03/06/2020	<p>Thành lập các Ban phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;</p> <p>Giao chỉ tiêu kế hoạch tài chính cho Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh (Công ty mẹ) và Công ty TNHH MTV Cây xanh và Môi trường Thành Phát (Công ty con).</p> <p>Thông qua việc Ban Tổng giám đốc đầu tư mua sắm 01 xe bồn và 01 xe ben phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó, chi phí mua xe ben là vay 70% từ Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Trà Vinh hoặc các tổ chức tín dụng.</p>
32	21/07/2020	<p>Thông qua phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Trà Vinh, Giá trị: 3.500.000.000 đồng</p> <p>Mục đích: Xây dựng trụ sở văn phòng làm việc Công ty.</p> <p>Thời hạn: 60 tháng</p> <p>Nguồn thanh toán, trả nợ: theo cam kết của công ty được quy định trong hợp đồng tín dụng.</p> <p>Giao Ông Phạm Hoàng Minh – Chức vụ: Tổng Giám Đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty quyết định, lập, ký kết các Hợp đồng, các giấy tờ liên quan và tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện phương án vay vốn và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Trà Vinh cho đến khi các hợp đồng, văn bản ký kết được chấm dứt và Công ty hoàn thành các nghĩa vụ phát sinh với Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Trà Vinh.</p> <p>Giao Ban Tổng Giám đốc lựa chọn Công ty kiểm toán có tên trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020.</p>
37	19/10/2020	<p>Thông qua việc bổ sung dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hạng mục: hệ thống mạng internet, điện thoại, camera, wifi, thuộc công trình xây dựng trụ sở văn phòng làm việc Công ty.</p> <p>Giao Ban Tổng Giám đốc chuẩn bị hồ sơ năng lực tham gia các gói thầu thuộc dự án khối lượng dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn Tp Trà Vinh năm 2021.</p>

3.4. Hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty thực hiện theo Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua, mục tiêu chủ yếu là mang lại sự phát triển bền vững và hiệu quả kinh tế cho Công ty.

HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và được thông qua các tờ trình như: Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính riêng năm 2019 đã kiểm toán, Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính – hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán, Tờ trình về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, Tờ trình về trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2019 và nhập Quỹ đối ngoại của Ban Điều hành vào Quỹ Phúc lợi của Công ty, Tờ trình về việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2019, Tờ trình về việc thông qua tổng mức tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020, Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020.

HĐQT thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, theo đúng chủ trương, chiến lược của Công ty và thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban TGD trong việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể, đa số tán thành.

Thông báo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh không đáp ứng được các điều kiện là công ty đại chúng theo quy định, do có số lượng cổ đông thấp hơn 100 người theo xác nhận của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, ngày đăng ký cuối cùng: 06/04/2020 và vốn điều lệ dưới 30 tỷ đồng. Đồng thời, đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước huỷ đăng ký công ty đại chúng.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019, quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 của người quản lý và kế hoạch lao động năm 2020 của Công ty.

Tiếp tục phối hợp tốt với Ban kiểm soát nhằm duy trì tính an toàn, đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

Tổ chức các phiên họp định kỳ hàng quý, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp, số lượng thành viên tham dự để đáp ứng về tính pháp lý và rà soát, đánh giá tình hình hoạt động SXKD trong quý, cũng như quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Biên bản cuộc họp được các thành viên HĐQT tham dự họp ký đầy đủ. Ngoài ra, các thành viên HĐQT có tinh thần đoàn kết, trách nhiệm cao, thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

Lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để ban hành Nghị quyết thuộc thẩm quyền của HĐQT về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh và thay đổi nội dung trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Điều lệ Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh.

Thường xuyên kiểm tra đôn đốc Ban Tổng Giám đốc thực hiện Nghị quyết HĐQT, phối hợp với Ban kiểm soát nhằm duy trì tính an toàn, đảm bảo

hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty; đồng thời, chỉ đạo Ban TGD để bổ sung, hoàn thiện công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp.

Công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán theo quy định.

Thông báo đến Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; nhận cổ tức bằng tiền và để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ (thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh và thay đổi nội dung trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Điều lệ Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty TNHH MTV Cây xanh và Môi trường Thành Phát (Công ty con). Kết quả Công ty con hoạt động đúng quy định.

4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.

Tại các cuộc họp HĐQT định kỳ, Tổng Giám đốc báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và xin ý kiến thông qua các vấn đề phát sinh trong quá trình SXKD của Công ty. Sau khi được sự thống nhất của HĐQT, Tổng Giám đốc mới triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện đến HĐQT, từ đó, HĐQT đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, để có hướng chỉ đạo chính xác, hạn chế sai sót. Trong năm, Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành và thực hiện đúng quy định các nhiệm vụ sau:

Phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2019

Thực hiện trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

Thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 với tỷ lệ chi trả là 11% (01 cổ phiếu được nhận 1.100 đồng) theo quy định.

Chi phí được kiểm soát chặt chẽ và tiền vốn được cân đối cho hoạt động SXKD, tình hình tài chính của Công ty được đảm bảo.

Hoàn thành các thủ tục và mua một xe bồn đưa vào hoạt động.

Ban TGD đã chỉ đạo và thực hiện các hoạt động của Công ty đúng theo quy định Nhà nước, thực hiện đúng thoả ước lao động tập thể, các chế độ khác đối với người lao động.

Tham gia các gói thầu thuộc dự án khối lượng dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn Tp Trà Vinh năm 2021. Kết quả, Công ty trúng 03 gói thầu: Quản lý, chăm sóc cây xanh, thăm cỏ đường phố và cơ quan; Quản lý, duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị; thu giá dịch vụ thu gom rác thải và khối lượng quét, thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn TP Trà Vinh năm 2021.

HQĐT luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban TGD tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT. Công tác kiểm tra, giám sát của HĐQT

đúng theo thẩm quyền, không gây trở ngại đến công tác điều hành của Ban TGD và các bộ phận khác.

Các hoạt động của Ban TGD và lãnh đạo các bộ phận đều nằm trong phạm vi cho phép theo giấy đăng ký kinh doanh và các qui định hiện hành của Nhà nước.

Thông qua việc kiểm tra, giám sát, HĐQT nhận thấy Ban TGD thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách cẩn trọng, đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

Các cán bộ quản lý đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, thực hiện nghiêm chỉnh các quy chế, quy định của Công ty cũng như các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT.

HĐQT đánh giá cao sự năng nổ, nhiệt tình của Ban TGD và các cán bộ quản lý trong quá trình thực hiện các kế hoạch đã đề ra, cũng như thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, kết quả các mặt hoạt động của Công ty nói chung đạt được những kết quả khả quan.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

1. Doanh thu, lợi nhuận

STT	CHỈ TIÊU	NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ	THỰC HIỆN NĂM 2020	TỶ LỆ HOÀN THÀNH (%)
I	Vốn điều lệ	17.500	17.500	100,0
II	Tổng doanh thu	49.510	52.597	106,2
III	Lợi nhuận trước thuế	6.687	6.794	101,6
IV	Lợi nhuận sau thuế	5.899	6.330	107,3

Với số liệu trên cho thấy, trong năm đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu tài chính so với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 như sau:

Tổng doanh thu: 52.597 triệu đồng, đạt 106,2% với số tiền vượt kế hoạch là 3.087 triệu đồng.

Lợi nhuận trước thuế: 6.794 triệu đồng, đạt 101,6% với số tiền vượt kế hoạch là 107 triệu đồng.

Lợi nhuận sau thuế: 6.330 triệu đồng, đạt 107,3% với số tiền vượt kế hoạch là 431 triệu đồng.

Trong năm, Tổng GD đã chi trả tiền lương, thưởng cho NLĐ kịp thời và đúng qui định, thu nhập bình quân của NLĐ năm 2020 là 6.303.905 đồng/người/tháng.

2. Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế và chi trả cổ tức năm 2019

Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019: 6.212.674.197 đồng

Ban TGD đã phân bổ các quỹ như sau:

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (20%) 1.242.534.840 đồng
- Trích quỹ khen thưởng của người lao động (20%) 1.242.534.840 đồng

- Trích quỹ phúc lợi (25,375%) 1.576.463.176 đồng
- Trích quỹ khen thưởng người quản lý (3,64%) 226.141.341 đồng
- Chia cổ tức (30,985%) 1.925.000.000 đồng

Đồng thời, thông báo và chi trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 với tỷ lệ 11%, tổng số tiền chi trả là 1.925.000.000 đồng, danh sách do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam tổng hợp.

3. Tiền lương và thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát

Thực hiện chi trả lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo đúng Nghị quyết. Tuy nhiên, lợi nhuận của Công ty vượt kế hoạch nên theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước; thì tiền lương của người quản lý chuyên trách đại diện vốn Nhà nước được tăng, cụ thể:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ TIỀN		CỘNG
			LƯƠNG	THÙ LAO	
	HỘI ĐỒNG QT				
1	Phạm Tiết Khoa	Chủ tịch HĐQT	437	0	437
2	Phạm Hoàng Minh	TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	348	49,8	397,8
3	Phạm Tấn Lộc	TV HĐQT kiêm Phó TGD	296	49,8	345,8
4	Đào Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	-	49,8	49,8
5	Trần Thị Thùy Dung	Thành viên HĐQT	-	49,8	49,8
	CỘNG		1.081	199,2	1.280,2
	BAN KIỂM SOÁT				
1	Lê Quang Minh	Trưởng ban	120		120
2	Son Thị Huệ	Thành viên		26,4	26,4
3	Lê Hữu Phước	Thành viên		26,4	26,4
	CỘNG		120	52,8	172,8

4. Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2020

Hội đồng quản trị đã uỷ quyền Ban Tổng giám đốc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và báo tài chính – hợp nhất năm 2020, Ban Tổng giám đốc chọn đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt. Báo cáo được kiểm toán xong và đã gửi các ngành chức năng.

IV. NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

Kế thừa những kết quả đạt được trong năm qua, trên cơ sở các công trình thực hiện năm 2021 đã được trúng thầu và nhận thấy tình hình SXKD có nhiều khó khăn, do dịch bệnh kéo dài, ảnh hưởng đến đời sống xã hội, kinh tế và doanh thu của Công ty. HĐQT xác định nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động năm 2021 phù hợp, đảm bảo khả thi và tập trung chỉ đạo Ban TGD các vấn đề sau:

1. Chỉ tiêu, kế hoạch SXKD năm 2021 (hợp nhất)

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN NĂM 2020	KẾ HOẠCH NĂM 2021
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	52.597	57.497
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.794	7.109
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.330	6.599

1.1. Chỉ tiêu, kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh (Công ty mẹ)

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	56.797
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.999
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.599

1.2. Chỉ tiêu, kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty TNHH MTV Cây xanh và Môi trường Thành Phát (Công ty con)

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	5.400
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	900

Mức chia cổ tức cho 1 cổ phần: tối thiểu 10%

2. Nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2021

Thực hiện đúng Luật Doanh nghiệp và thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ, Quy chế của Công ty.

Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2021.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát Ban TGD và các lãnh đạo bộ phận của Công ty trong việc thực hiện các Quy chế và thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ,

Nghị quyết của HĐQT và kiểm soát công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ của người lao động.

Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các công trình trọng tâm như: Quản lý, chăm sóc cây xanh, thảm cỏ đường phố và cơ quan; Quản lý, duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị; thu giá dịch vụ thu gom rác thải và khối lượng quét, thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn TP Trà Vinh năm 2021; đảm bảo chất lượng dịch vụ theo hợp đồng đã ký với chủ đầu tư;

Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự để bảo vệ quyền lợi của các cổ đông, người lao động, phân đấu lợi nhuận thực hiện cao hơn kế hoạch đã đề ra nhằm đáp lại sự tin tưởng của các cổ đông và đóng góp cho ngân sách nhà nước cũng như chi trả cổ tức cho các cổ đông.

Đẩy mạnh đầu tư và cải tiến, đổi mới thiết bị, phương tiện làm việc, nhằm góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả công việc.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tìm kiếm đối tác, thị trường cung ứng sản phẩm dịch vụ ra bên ngoài. Chủ động nắm bắt thông tin và tham gia đấu thầu thi công các công trình thuộc những lĩnh vực mà Công ty có nhiều kinh nghiệm, tiềm năng; chào giá hợp lý để thực hiện ký kết các hợp đồng, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

Tăng cường công tác trao đổi, hợp tác, học tập kinh nghiệm quản lý từ các Công ty cùng ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh.

Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty TNHH MTV Cây xanh và Môi trường Thành Phát.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2020 và nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động năm 2021, HĐQT Công ty xin báo cáo ĐHCĐ Công ty./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Kiệt Khoa

Số : QH/BC-BKS

Trà Vinh, ngày 03 tháng 06 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020.

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh.

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc tại ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đô thị Trà Vinh báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động trong năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020:

1) Cơ cấu thành viên:

Thành viên tham gia Ban kiểm soát Công ty gồm :

- Ông Lê Quang Minh - Trưởng ban
- Ông Lê Hữu Phước - Thành viên
- Bà Sơn Thị Huệ - Thành viên

2) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2020, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh đã tổ chức 3 cuộc họp để triển khai thực hiện các nội dung chủ yếu như sau:

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh, dịch vụ toàn Công ty thông qua các báo cáo tháng, quý.
- Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; việc chấp hành điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và các quy chế, quy định, quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc trong công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ năm 2020.
- Tham gia ý kiến với HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc Công ty về các vấn đề liên quan liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua các cuộc họp

giao ban hàng tuần, tháng và tham dự đầy đủ các cuộc họp với HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc.

- Thẩm tra báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá trung thực và hợp lý về số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành.

- Tham gia đóng góp ý kiến sửa đổi, bổ sung soát xét hệ thống tài liệu quản trị Công ty.

3) Các cuộc họp của Ban Kiểm Soát

STT	Nội dung	Ngày họp	Nội dung chi tiết	Kết quả
1	Phân công nhiệm vụ thành viên BKS, kế hoạch hoạt động năm 2020.	08/01/2020	Phân công từng thành viên BKS phụ trách các lĩnh vực.	Thống nhất sự phân công của BKS.
2	Thông qua báo cáo hoạt động BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2020.	09/06/2020	Báo cáo hoạt động BKS năm 2020, đề xuất kiến nghị của BKS	Thống nhất nội dung báo cáo.
3	Thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020	17/08/2020	Soát xét số liệu báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 .	Thống nhất với số liệu báo của Cty

4) Lương và thù lao chi phí hoạt động của Ban Kiểm Soát :

Stt	Họ tên	Chức danh	Lương, thù lao (đồng/tháng)	Thực lãnh (đồng/năm)	Ghi chú
1	Lê Quang Minh	Trưởng Ban	10.000.000	120.000.000	(Từ 01/01/2020-31/12/2020)
2	Lê Hữu Phước	Thành viên	2.200.000	26.400.000	(Từ 01/01/2020-31/12/2020)
3	Son Thị Huệ	Thành viên	2.200.000	26.400.000	(Từ 01/01/2020-31/12/2020)
Tổng cộng :				172.800.000	

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH:

1) Việc lập và kiểm toán báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan.

- Báo cáo tài chính của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt kiểm toán, kết quả kiểm toán đã được xác nhận theo báo cáo kiểm toán số 2149/21/BCKT/AUD-VALUES ngày 26/03/2021 và Báo cáo tài chính

hợp nhất của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt kiểm toán, kết quả kiểm toán đã được xác nhận theo báo cáo kiểm toán số 2150/21/BCKT/AUD-VALUES ngày 26/03/2021. Ý kiến của kiểm toán viên là ý kiến xét trên khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động kinh doanh sản xuất kinh doanh của Công ty tại thời điểm 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan về lập và trình Báo cáo tài chính hợp nhất.

2) Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020
1	Tổng tài sản	Triệu đồng	43.494
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	27.010
3	Doanh thu thuần	Triệu đồng	52.146
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.793
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.330
6	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	14,55
7	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	36,17
8	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	12,14

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản, giảm 0,78% so năm 2019

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ, tăng 0,49% so năm 2019

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu, tăng 0,86% so năm 2019

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản đều đạt cao so với tỷ suất bình quân cùng ngành và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020. Doanh thu thuần giảm 3.205 triệu đồng so năm 2019.

Kết cấu tài sản và nguồn vốn thay đổi nhiều trong năm 2020. Tài sản cố định hữu hình 17.405 triệu, tăng 30,63% so năm 2019. Tỷ trọng tài sản cố định/ tổng tài sản chiếm 40,02%, tăng 7,32% so năm 2019, do công ty đã đầu tư xây dựng mới trụ sở làm việc và mua sắm thêm phương tiện vận tải.

III. TÌNH HÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ 2020:

Về doanh thu, thực hiện 52.146 triệu đồng, đạt 105,32% so với nghị quyết.

Về lợi nhuận trước thuế, thực hiện 6.793 triệu đồng, đạt 101,59% so với nghị quyết.

Về lợi nhuận sau thuế, thực hiện 6.330 triệu đồng, đạt 107,31% so với nghị quyết.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu : 1,844 . Tăng 0,82% so năm 2019.

Trong năm Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức theo Nghị quyết là 11% (tức 1 cổ phiếu được nhận 1.100 đồng) theo quy định.

Việc chi trả lương và thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký đã thực hiện đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.

Công ty đã chọn đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt theo đúng qui định.

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:

Hội đồng quản trị công ty có 05 người, gồm 1 Chủ tịch, 1 thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc, 1 thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc và 2 thành viên HĐQT không chuyên trách.

Hội đồng quản trị đã duy trì các kỳ họp định kỳ và đột xuất. Trong năm đã tổ chức 4 cuộc họp, ban hành 4 Nghị quyết, ra 1 Quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền theo qui định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với qui định Pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu SX-KD. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, thẩm quyền và căn cứ pháp lý theo qui định pháp luật và điều lệ Công ty.

V. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD:

Ban Tổng giám đốc Công ty gồm 2 người : 1 Tổng giám đốc và 1 Phó Tổng giám đốc, nhân sự trong Ban Tổng Giám đốc trong năm, không thay đổi bộ máy gọn và điều hành hoạt động Công ty linh hoạt, hiệu quả.

Ban Tổng Giám Đốc cùng cán bộ quản lý đã cố gắng, nỗ lực trong việc điều hành duy trì ổn định, Công ty ngày càng phát triển, bảo toàn vốn Nhà nước và cổ đông. Thực hiện đạt các chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 đã thông qua.

Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Tổng Giám Đốc thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại HĐCĐ, HĐQT và tuân thủ quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật.

Trong năm, Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng trụ sở mới, hoạt động Công ty đi vào nề nếp và chuyên nghiệp hơn

VI. SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin về Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và tham dự các phiên họp định kỳ, đột xuất của HĐQT.

Tham gia đầy đủ các cuộc họp hàng tuần, tháng, quý của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc.

Tham gia dự thảo, soát xét hệ thống tài liệu quản trị của Công ty như các qui chế, qui định Công ty ban hành.

Đối với cổ đông: Trong năm BKS không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, cũng như điều hành của HĐQT và Ban TGD.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS đã được HĐQT, Ban TGD và các Phòng ban trong Công ty tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

VII. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Công ty cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn vay hiệu quả. Tập trung các nguồn lực để triển khai thực hiện các gói thầu công ích, kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Công ty con.

Công ty nên chú trọng vay vốn trong hoạt động và đầu tư xây dựng, mua sắm phương tiện để đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Xây dựng kế hoạch SX-KD phù hợp với năng lực, thực hiện đạt các mục tiêu mà Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua.

VIII. KẾ HOẠCH NĂM 2021 CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Ban kiểm soát mới sẽ phân công trách nhiệm từng thành viên, để thực hiện và hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ theo qui định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.

Giám sát và đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021.

Kiểm tra việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban TGD có phù hợp với Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Pháp luật hiện hành.

Tham gia ý kiến, góp ý với HĐQT, Ban TGD những vấn đề tiềm tàng có khả năng ảnh hưởng, rủi ro đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Phối hợp với các đoàn kiểm tra của Công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các bộ phận Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và phương hướng hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên xem xét và thông qua.

Kính chúc Quý đại biểu, cùng toàn thể Cổ đông sức khỏe, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- HĐQT; Ban TGD
- Thành viên BKS;
- Lưu PHC, BKS,

**TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Quang Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		16.548.515.430	19.996.093.635
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	8.065.696.748	6.342.820.080
111	1. Tiền		1.382.284.826	2.335.011.861
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.683.411.922	4.007.808.219
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.997.888.947	12.222.684.055
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	3.603.530.907	11.347.637.610
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	440.000	37.986.624
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	1.393.918.040	969.573.445
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	(132.513.624)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	1.147.454.805	1.197.488.187
141	1. Hàng tồn kho		1.147.454.805	1.197.488.187
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.337.474.930	233.101.313
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	121.269.997	199.077.949
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.10	2.216.204.933	34.023.364
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		27.107.315.772	21.482.911.442
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	146.250.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	146.250.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		15.929.617.288	11.453.786.444
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	15.929.617.288	11.453.786.444
222	- Nguyên giá		29.489.955.609	23.115.142.295
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.560.338.321)	(11.661.355.851)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	170.000.000
241	1. Chi phí dở sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	170.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2	3.500.000.000	3.500.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		3.500.000.000	3.500.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.677.698.484	6.212.874.998
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	7.677.698.484	6.212.874.998
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		43.655.831.202	41.479.005.077

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh

Địa chỉ: Số 377, Phạm Ngũ Lão, P2, TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		16.592.187.448	15.859.552.531
310	I. Nợ ngắn hạn		13.495.102.448	14.159.552.531
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9	2.533.726.657	1.947.723.520
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	2.555.831.803	7.508.953.666
314	4. Phải trả người lao động	V.11	1.424.107.995	2.659.904.468
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.12	24.831.532	111.609.939
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.13	43.863.636	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	121.707.216	105.831.817
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15a	4.535.574.460	264.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	2.255.459.149	1.561.529.121
330	II. Nợ dài hạn		3.097.085.000	1.700.000.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.15b	3.097.085.000	1.700.000.000
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		27.063.643.754	25.619.452.546
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	27.063.643.754	25.619.452.546
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		17.500.000.000	17.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		17.500.000.000	17.500.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.180.239.762	1.937.704.922
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.383.403.992	6.181.747.624
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		82.488.127	(43.619.419)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		6.300.915.865	6.225.367.043
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		43.655.831.202	41.479.005.077

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trà Vinh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN

NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN



PHẠM HOÀNG MINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	51.496.409.845	53.327.316.088
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		51.496.409.845	53.327.316.088
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	37.254.997.996	38.272.630.696
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.241.411.849	15.054.685.392
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1.561.965.310	1.164.813.297
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	226.411.211	74.857.746
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		226.411.211	74.857.746
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	9.054.447.605	8.959.044.846
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.522.518.343	7.185.596.097
31	11. Thu nhập khác	VI.6	151.272.727	79.313.197
32	12. Chi phí khác		506.445	289.583.359
40	13. Lợi nhuận khác		150.766.282	(210.270.162)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.673.284.625	6.975.325.935
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.7	372.368.760	749.958.892
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.300.915.865	6.225.367.043
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.8	-	-
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	VI.8	-	-

Trà Vinh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

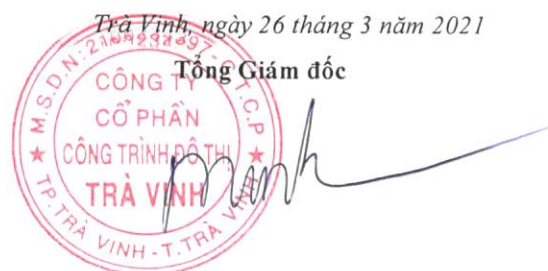
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN

NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN

PHẠM HOÀNG MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (RIÊNG)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		54.545.768.753	56.937.486.574
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(17.843.896.155)	(27.249.681.886)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(24.795.622.165)	(25.065.311.496)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(210.134.715)	(72.059.719)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.10	(2.318.511.301)	(290.000.000)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.845.758.262	7.910.866.939
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.177.554.661)	(10.568.911.205)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		2.045.808.017	1.602.389.207
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(5.296.291.968)	(2.059.600.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		157.272.727	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.072.428.432	260.497.932
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		(4.066.590.809)	(1.799.102.068)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.17	10.739.612.962	12.960.445.025
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.17	(5.070.953.502)	(10.996.445.025)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.17	(1.925.000.000)	(2.044.000.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		3.743.659.460	(80.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		1.722.876.668	(276.712.861)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		6.342.820.080	6.619.532.941
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	8.065.696.748	6.342.820.080

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN

Trà Vinh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



PHẠM HOÀNG MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		17.799.549.655	20.787.178.779
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	10.064.561.394	7.963.521.557
111	1. Tiền		2.881.149.472	2.755.713.338
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.183.411.922	5.207.808.219
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.204.682.756	11.381.522.856
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	3.631.980.907	11.398.763.610
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	465.440.000	37.986.624
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	107.261.849	77.286.246
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	(132.513.624)
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	1.158.412.305	1.197.814.282
141	1. Hàng tồn kho		1.158.412.305	1.197.814.282
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.371.893.200	244.320.084
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	155.688.267	210.630.388
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	2.216.204.933	33.689.696
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		25.694.885.087	19.945.355.142
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	146.250.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	146.250.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		17.405.285.382	13.324.597.890
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	17.405.285.382	13.324.597.890
222	- Nguyên giá		32.423.118.855	26.048.305.541
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.017.833.473)	(12.723.707.651)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		9.327.273	170.000.000
242	1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	9.327.273	170.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		8.280.272.432	6.304.507.252
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	8.227.050.421	6.256.331.408
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.9	53.222.011	48.175.844
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		43.494.434.742	40.732.533.921

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		16.483.720.165	15.082.154.802
310	I. Nợ ngắn hạn		13.077.845.448	13.354.600.990
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	1.680.688.240	450.695.104
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	2.723.652.195	7.723.123.650
314	4. Phải trả người lao động	V.12	1.559.907.995	2.680.205.696
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	24.831.532	111.609.939
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.14	43.863.636	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	121.707.216	545.346.673
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.16a	4.602.774.460	264.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.17	2.320.420.174	1.579.619.928
330	II. Nợ dài hạn		3.405.874.717	1.727.553.812
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.16b	3.365.885.000	1.700.000.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.18	39.989.717	27.553.812
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		27.010.714.577	25.650.379.119
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.19	27.010.714.577	25.650.379.119
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		17.500.000.000	17.500.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.180.239.762	1.937.704.922
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.330.474.815	6.212.674.197
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		6.330.474.815	6.212.674.197
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		43.494.434.742	40.732.533.921

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN

Trà Vinh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc




PHẠM HOÀNG MINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	52.146.189.942	55.351.007.845
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		52.146.189.942	55.351.007.845
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	35.863.787.077	38.760.540.388
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.282.402.865	16.590.467.457
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	299.596.856	179.641.438
22	7. Chi phí tài chính		233.080.111	74.857.746
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		231.916.111	74.857.746
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	9.700.190.768	9.481.433.183
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.648.728.842	7.213.817.966
31	12. Thu nhập khác	VI.5	151.272.727	79.313.197
32	13. Chi phí khác	VI.6	6.496.397	289.607.559
40	14. Lợi nhuận khác		144.776.330	(210.294.362)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.793.505.172	7.003.523.604
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.7	455.640.619	750.617.637
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.8	7.389.738	7.389.738
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.330.474.815	6.245.516.229
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		6.330.474.815	6.245.516.229
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.9a	1.844	1.829
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	VI.9b	1.844	1.829

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN

Trà Vinh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc




PHẠM HOÀNG MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		59.917.842.710	64.908.415.250
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(18.577.645.456)	(28.567.029.138)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(26.945.616.262)	(26.792.386.716)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(215.639.615)	(72.059.719)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.11	(2.397.412.025)	(290.712.128)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.450.743.453	8.009.971.079
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.811.302.156)	(14.995.498.295)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.420.970.648	2.200.700.333
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(5.761.291.968)	(2.083.943.636)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		157.272.727	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	V.4-VI.3	204.428.970	167.136.480
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.399.590.271)	(1.916.807.156)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.17	11.075.612.962	12.960.445.025
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.17	(5.070.953.502)	(10.996.445.025)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.19	(1.925.000.000)	(2.044.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.079.659.460	(80.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		2.101.039.837	203.893.177
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		7.963.521.557	7.759.628.380
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	10.064.561.394	7.963.521.557

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HÀ DUYÊN



Trà Vinh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



PHẠM HOÀNG MINH

MỤC LỤC

Trang

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
CHƯƠNG IV. ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần	8
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 12. Quyền của cổ đông	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 17. Thay đổi các quyền	14
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông ...	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	19
Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	19

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	22
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	24
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	26
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	26
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	28
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty.....	28
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	29
Điều 33. Hệ thống bộ máy tổ chức, quản lý.....	29
Điều 34. Người điều hành Công ty	29
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	29
Điều 36. Thư ký Công ty.....	30
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	30
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	30
Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát	31
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát	31
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	32
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát	32
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	33
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	33
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	33
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	34
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	35
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	35
CHƯƠNG XII. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG	36
Điều 46. Đảng Cộng sản Việt Nam, công đoàn, các tổ chức chính trị xã hội và người lao động	36
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	36
Điều 47. Phân phối lợi nhuận.....	36

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	37
Điều 48. Tài khoản ngân hàng	37
Điều 49. Năm tài chính	37
Điều 50. Chế độ kế toán.....	37
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	37
Điều 51. Báo cáo tài chính năm và quý	37
Điều 52. Báo cáo thường niên.....	37
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	38
Điều 53. Kiểm toán	38
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA CÔNG TY	38
Điều 54. Dấu của Công ty	38
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	38
Điều 55. Giải thể Công ty	38
Điều 56. Gia hạn hoạt động.....	38
Điều 57. Thanh lý.....	39
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	39
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ	39
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	40
Điều 59. Điều lệ Công ty.....	40
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	40
Điều 60. Ngày hiệu lực	40

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ngày 24 tháng 06 năm 2021

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Công ty” là Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh;
- b) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- f) *Người điều hành Công ty* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- g) *Người quản lý Công ty* bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc;
- h) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- i) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- j) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần;
- k) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- l) *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên
- m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- n) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **Công ty cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh**
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **TRAVINH URBAN PROJECT JOINT STOCK COMPANY.**
- Tên Công ty viết tắt: **TRAVINHPCO**

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 48A, Sơn Thông, Phường 7, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại: (0294) 3852391/ 3853596/ 3858214
- Email: ctyctdtv@gmail.com
- Website: www.congtrinhdothitravinhh.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 2 người đại diện theo pháp luật là **Chủ tịch Hội đồng quản trị** và **Tổng Giám đốc**.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã

được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác thay thế.

Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị sẽ cử người khác thay thế.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Số TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Thu gom rác thải không độc hại	3812 (Chính)
2	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
3	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
4	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
5	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
6	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
7	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
8	Thu gom rác thải độc hại	3812
9	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
10	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
11	Xây dựng công trình đường bộ	4212
12	Xây dựng công trình công ích khác	4229
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
14	Phá dỡ	4311
15	Chuẩn bị mặt bằng	4312
16	Lắp đặt hệ thống điện	4321
17	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
18	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
19	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
20	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
21	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
22	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
23	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
24	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
25	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
26	Cho thuê xe có động cơ	7710
27	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
28	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
29	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
30	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
31	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là xây dựng và giữ vững thương hiệu; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh nhằm thu lại lợi nhuận tối đa hợp pháp; đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông; tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định trong Điều lệ.

CHƯƠNG IV. ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 17.500.000 đồng (bằng chữ: Mười bảy tỉ năm trăm triệu đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.750.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100234397 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 30/03/2016. Căn cứ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

6. Cổ phần phổ thông phát hành mới phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty phát hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo Điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký

mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - j) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại điểm a khoản 3 Điều 115;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử theo qui định tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên giảm quá 1/3 so với quy định tại Điều lệ này;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50 % tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập; quyết định Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập; quyết định Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50 % tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
- s) Bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.

3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi

loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp

chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày,

kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f) Gia hạn hoạt động Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- c) Định hướng phát triển Công ty;
- d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- f) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm
- h) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- i) Thay đổi, bổ sung ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- j) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- k) Các vấn đề khác khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
- 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại

hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác theo qui định của pháp luật (nếu có);

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- q) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương,

hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 03 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Các trường hợp khác khi xét thấy cần thiết.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3 thành viên trở lên dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo qui định của pháp luật (nếu có).

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá ½) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Lưu ý, Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 43 Điều lệ công ty.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty có thể bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Hệ thống bộ máy tổ chức, quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Hệ thống quản lý Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng và Đội trưởng.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Tiền lương của người điều hành Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và các tiêu chuẩn sau:

- a) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Không được là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ngoài các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn

thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp

luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 46. Đảng Cộng sản Việt Nam, công đoàn, các tổ chức chính trị xã hội và người lao động

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức đó.

2. Công ty tôn trọng và tạo mọi điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của tổ chức mình và phù hợp với tình hình sản xuất – kinh doanh của Công ty.

3. Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến kế hoạch sử dụng lao động và phương án trả lương hàng năm.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch/đăng ký niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm và quý

1. Báo cáo tài chính năm của Công ty phải được lập, kiểm toán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, công bố theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập báo cáo tài chính quý và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được quyền nhận các thông báo, các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 54. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất [7 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng [06 tuần] từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh nhất trí thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2021 tại Trà Vinh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh hiện hành;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh xem xét, thông qua nội dung Bản Báo cáo tài chính riêng của Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh năm 2020 đã được Công ty TNHH tư vấn và kiểm toán Chuẩn Việt kiểm toán ban hành ngày 26 tháng 3 năm 2021.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh được công bố thông tin theo quy định và đã đăng trên Website Công ty (địa chỉ: www.congtrinhdothitravinh.vn/quanhecodong)

Xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Tiết Khoa

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH - HỢP NHẤT NĂM 2020 ĐÃ KIỂM TOÁN

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh hiện hành;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh xem xét, thông qua nội dung Bản Báo cáo tài chính – hợp nhất của Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh năm 2020 đã được Công ty TNHH tư vấn và kiểm toán Chuẩn Việt kiểm toán ban hành ngày 26 tháng 3 năm 2021.

Báo cáo tài chính – hợp nhất của Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh được công bố thông tin theo quy định và đã đăng trên Website Công ty (địa chỉ: www.congtrinhdothitravinh.vn/quanhecodong)

Xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Tiết Khoa

TỜ TRÌNH
VỀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh;

Căn cứ tình hình kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và dự kiến tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2021;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh năm 2021 như sau:

1. Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trong năm 2021

1.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận (hợp nhất)

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	17.500
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	57.497
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	7.109
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	6.599

1.2. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh (Công ty mẹ)

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	17.500
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	56.797
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	6.999
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	6.599

1.3. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty TNHH MTV Cây xanh và môi trường Thành Phát (Công ty con)

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	3.500
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	5.400
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	1.000
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	900

1.4. Mức cổ tức: mức chia cổ tức cho 1 cổ phần tối thiểu 10%

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong hoạt động kinh doanh năm 2021

- Bố trí, sắp xếp, tuyển dụng lao động ở các bộ phận trực tiếp và gián tiếp cho phù hợp với cơ chế hoạt động trong giai đoạn hiện nay.

- Đẩy mạnh đầu tư và cải tiến, đổi mới thiết bị, phương tiện làm việc, nhằm góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả công việc.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tìm kiếm đối tác, thị trường cung ứng sản phẩm dịch vụ ra bên ngoài. Chủ động nắm bắt thông tin và tham gia đấu thầu thi công các công trình thuộc những lĩnh vực mà Công ty có nhiều kinh nghiệm, tiềm năng.

- Tăng cường công tác trao đổi, hợp tác, học tập kinh nghiệm quản lý từ các Công ty cùng ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh.

Trên đây là một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông và đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh một cách linh hoạt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh cho phù hợp tình hình thực tế.

Xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Tiết Khoa

TỜ TRÌNH

Về mức cổ tức và phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/06/2020 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh;

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020;

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, tôi kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh xem xét, quyết định mức cổ tức và trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 như sau:

1. Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2020 (hợp nhất) là: 6.330.474.815 đồng

2. Phân phối lợi nhuận hợp nhất:

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (19,90%) 1.260.000.000 đồng
- Trích quỹ khen thưởng của người lao động (19,90%) 1.260.000.000 đồng
- Trích quỹ phúc lợi (29,63%) 1.875.474.815 đồng
- Trích quỹ khen thưởng người quản lý (2,92%) 185.000.000 đồng
- Chia cổ tức (27,65%) 1.750.000.000 đồng

2.1. Phân phối lợi nhuận của Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh (Công ty mẹ):

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (19,90%) 1.260.000.000 đồng
- Trích quỹ khen thưởng của người lao động (16,69%) 1.056.396.507 đồng
- Trích quỹ phúc lợi (28,82%) 1.824.573.942 đồng
- Trích quỹ khen thưởng người quản lý (2,92%) 185.000.000 đồng

- Chia cổ tức (27,65%) 1.750.000.000 đồng

2.2. Mức trích lập các Quỹ của Công ty TNHH MTV Cây xanh và môi trường Thành Phát (Công ty con):

- Trích quỹ khen thưởng của người lao động (3,22%) 203.603.493 đồng

- Trích quỹ phúc lợi (0,80%) 50.900.873 đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Tiết Khoa

TỜ TRÌNH

Về việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/06/2020 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh;

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020;

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, tôi kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh xem xét, quyết định phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 như sau:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 là: 6.330.474.815 đồng

- **Mức chi trả cổ tức, hình thức chi trả và thời gian chi trả:**

+ **Mức chi trả cổ tức:**

Tổng số tiền chi trả cổ tức là: 1.750.000.000 đồng

(chiếm 27,65 % lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020)

Mức cổ tức chi trả /1 cổ phần: 1.000 đồng/cổ phần

Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020 là: 10%

+ **Hình thức chi trả:** trực tiếp 01 lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

+ **Thời gian chi trả:** Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định thời gian chi trả cổ tức theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TỜ TRÌNH

**Về tổng mức tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị,
Ban Kiểm soát Công ty năm 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021;

Để đảm bảo gắn trách nhiệm với quyền lợi của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong công tác điều hành, giám sát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua tổng mức tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 như sau:

1. Tổng mức lương, thù lao kế hoạch của Hội đồng quản trị là 647.000.000 đồng/năm. Trong đó:

- Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách là 4.150.000 đồng/người/tháng.

- Thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị là người quản lý chuyên trách đại diện vốn nhà nước sẽ được quyết toán thực tế theo qui định hiện hành của Nhà nước.

2. Tổng mức tiền lương và thù lao của Ban Kiểm soát là: 172.800.000 đồng/năm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Tiết Khoa



TỜ TRÌNH

**V/v lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính riêng
và Báo cáo tài chính - hợp nhất năm 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh;

Căn cứ Khoản 1 Điều 49 Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc “ Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán có tên trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán đối với Công ty đại chúng để kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính – hợp nhất của Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh năm 2021”

Hội đồng quản trị sẽ căn cứ vào các tiêu chí chất lượng, uy tín, giá chào cạnh tranh và sự hỗ trợ từ đơn vị kiểm toán đối với Công ty để lựa chọn.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Quang Minh

TỜ TRÌNH

Về thông qua Điều lệ Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông: căn cứ điều lệ mẫu của Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Hội đồng quản trị đã dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh phù hợp với quy định.

Xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Tiết Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH

Số: 02 / TT-BKS



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 03 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông như sau:

Trên cơ sở tham chiếu mẫu của Thông tư 116/2020/TT-BTC, Ban kiểm soát đã dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh bảo đảm phù hợp với quy định.

Xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Quang Minh

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH**

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Mã số tham dự:

Họ và tên:

Tổng số cổ phần biểu quyết:

CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT:

1. Thông qua Tờ trình về Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã được kiểm toán

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

2. Thông qua Tờ trình về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

3. Thông qua Tờ trình về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

4. Thông qua Tờ trình về mức cổ tức và phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Công ty.

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

5. Thông qua Tờ trình về việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2020

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

6. Thông qua Tờ trình về tổng mức tiền lương thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

7. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính 2021

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

8. Thông qua các Báo cáo của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát năm 2020.

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

9. Thông qua Điều lệ Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

10. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

Trà Vinh, ngày tháng năm 2021

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH NĂM 2021**

**PHIẾU BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021 - 2025**

Mã số tham dự

Họ và tên cổ đông

Tổng số cổ phần biểu quyết

STT	Họ tên ứng cử	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Trần Thị Thuỳ Dung			
2	Đào Mạnh Hùng			
3	Phạm Tiết Khoa			
4	Phạm Tấn Lộc			
5	Phạm Hoàng Minh			

Lưu ý:

- Đánh dấu X vào ô tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến ở bảng trên.
- Trường hợp Quý cổ đông gạch lên họ tên ứng viên thì xem như không tán thành.
- Nếu Quý cổ đông không rõ thì liên hệ Ban bầu cử để được hướng dẫn.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH NĂM 2021**

**PHIẾU BẦU CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2021 - 2025**

Mã số tham dự

Họ và tên cổ đông

Tổng số cổ phần biểu quyết

STT	Họ tên ứng cử	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Trần Hoàng Khoa			
2	Lê Quang Minh			
3	Lê Hữu Phước			

Lưu ý:

- Đánh dấu X vào ô tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến ở bảng trên.
- Trường hợp Quý cổ đông gạch lên họ tên ứng viên thì xem như không tán thành.
- Nếu Quý cổ đông không rõ thì liên hệ Ban bầu cử để được hướng dẫn.

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Trà Vinh, ngày tháng 6 năm 2021

Dur thảo

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh ngày 24/06/2021.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh tổ chức tại ngày 24 tháng 6 năm 2021 với sự tham gia của cổ đông sở hữu cổ phần chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty đã thông qua Nghị quyết này với các nội dung sau đây:

QUYẾT NGHỊ:

1. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NĂM 2020 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Thông qua Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã được Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Chuẩn Việt kiểm toán.

Cổ đông biểu quyết thông qua: ... cổ phần chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT NĂM 2020 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Thông qua Báo cáo tài chính – hợp nhất năm 2020 đã được công ty TNHH tư vấn và kiểm toán Chuẩn Việt kiểm toán.

Cổ đông biểu quyết thông qua: ... cổ phần chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Thông qua các báo cáo sau đây:

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020 và nhiệm vụ kế hoạch hoạt động năm 2021.
- Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021

Cổ đông biểu quyết thông qua: cổ phần chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết.

4. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Thông qua các nội dung sau:

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận (hợp nhất)

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	17.500
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	57.497
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	7.109
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	6.599

4.2. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh (Công ty mẹ)

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	17.500
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	56.797
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	6.999
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	6.599

4.3. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty TNHH MTV Cây xanh và môi trường Thành Phát (Công ty con)

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	3.500
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	5.400
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	1.000
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	900

4.4. **Mức chia cổ tức:** mức chia cổ tức cho 1 cổ phần tối thiểu 10%.

4.5. Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021 (hợp nhất, Công ty mẹ và Công ty con) cho phù hợp với tình hình thực tế.

Cổ đông biểu quyết thông qua: cổ phần chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết.

5. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2020

- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2020 (hợp nhất) là: 6.330.474.815 đồng

5.1. Phân phối lợi nhuận hợp nhất như sau:

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (19,90%) 1.260.000.000 đồng

- Trích quỹ khen thưởng của người lao động (19,90%) 1.260.000.000 đồng

- Trích quỹ phúc lợi (29,63%) 1.875.474.815 đồng

- Trích quỹ khen thưởng người quản lý (2,92%) 185.000.000 đồng

- Chia cổ tức (27,65%) 1.750.000.000 đồng

5.2. Phân phối lợi nhuận của Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh (Công ty mẹ):

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (19,90%)	1.260.000.000 đồng
- Trích quỹ khen thưởng của người lao động (16,69%)	1.056.396.507 đồng
- Trích quỹ phúc lợi (28,82%)	1.824.573.942 đồng
- Trích quỹ khen thưởng người quản lý (2,92%)	185.000.000 đồng
- Chia cổ tức (27,65%)	1.750.000.000 đồng

5.3. Đề nghị mức trích lập các Quỹ của Công ty TNHH MTV Cây xanh và môi trường Thành Phát (Công ty con):

- Trích quỹ khen thưởng của người lao động (3,22%)	203.603.493 đồng
- Trích quỹ phúc lợi (0,80%)	50.900.873 đồng

Cổ đông biểu quyết thông qua: ... cổ phần chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết.

6. MỨC CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2020

Mức cổ tức: 1.000 đồng/cổ phần

Thời điểm chi trả: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định thời gian chi trả cổ tức theo quy định.

Cổ đông biểu quyết thông qua: ... cổ phần chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết.

7. TIỀN LƯƠNG VÀ THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

a. Tổng mức tiền lương và thù lao kế hoạch của Hội đồng quản trị là 647.000.000 đồng/năm. Trong đó:

- Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách là 4.150.000 đồng/người/tháng.
- Tiền lương, thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị là người quản lý chuyên trách đại diện vốn nhà nước sẽ được quyết toán thực tế theo qui định hiện hành của nhà nước.

b. Tổng mức tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát là: 172.800.000 đồng/năm.

Cổ đông biểu quyết thông qua: ... cổ phần chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết.

8. LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH 2021

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính - hợp nhất của Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh năm 2021.

Cổ đông biểu quyết thông qua: cổ phần chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết.

9. THÔNG QUA ĐIỀU LỆ CÔNG TY, QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ, QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông qua toàn văn Điều lệ Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh và những điểm sửa đổi, bổ sung đã được thông nhất tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh và dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh.

Cổ đông biểu quyết thông qua: cổ phần chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết.

10. Bầu các ông, bà sau vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2025

10.1. Thành viên Hội đồng quản trị

10.1.1. Ông/bà.....

10.1.2. Ông/bà.....

10.1.3. Ông/bà.....

10.1.4. Ông/bà.....

10.1.5. Ông/bà.....

10.2. Thành viên Ban kiểm soát

10.2.1. Ông/bà.....

10.2.2. Ông/bà.....

10.2.3. Ông/bà.....

11. Hội đồng quản trị thống nhất bầu Ông/bà:..... làm chủ tịch HĐQT; Ông/bà:..... làm Tổng Giám đốc; Ông/bà:..... làm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh.

Ban kiểm soát bầu Ông/bà:..... làm Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh

Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT;
- Ban Tổng Giám Đốc;
- Thư ký công ty;
- UBCKNN, HNX, Website;
- Lưu.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

PHẠM TIẾT KHOA

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH
(TRAVINHPCO)**

**ỦY QUYỀN THAM DỰ HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH – TRAVINHPCO

1. Nội dung ủy quyền:

❖ **Bên ủy quyền:**

- Tên Cổ đông :
- Số cổ phần sở hữu :
- CMND/Hộ chiếu/Giấy chứng nhận ĐKDN:
- Ngày cấp :
- Địa chỉ :
- Điện thoại :

❖ **Bên nhận ủy quyền :**

- Tên cá nhân :
- CMND/Hộ chiếu số :
- Ngày cấp :
- Địa chỉ :
- Điện thoại :

Ông/bà nêu trên được ủy quyền thay mặt tôi/Công ty chúng tôi tham dự Đại hội Đồng Cổ đông Thường niên TRAVINHPCO - năm 2021 vào lúc 13h00 ngày 24/06/2021 và biểu quyết các nội dung của Đại hội.

Tôi/Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung ủy quyền và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

2. Ghi chú:

- Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội Đồng Cổ đông phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và có chữ ký của Cổ đông (*đối với Tổ chức phải có chữ ký và đóng dấu của người đại diện theo pháp luật*) và người được ủy quyền dự họp.
- Ủy quyền này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội, việc ủy quyền chỉ được thực hiện một lần và không được ủy quyền lại cho người khác.

....., ngày..... tháng 6 năm 2021

Bên nhận ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

Bên ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)